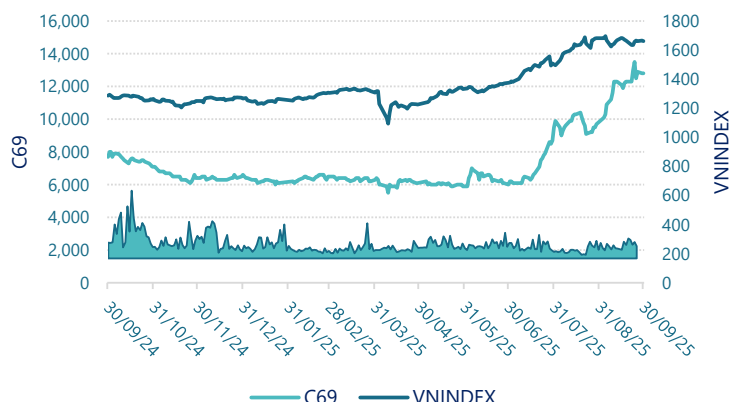


CTCP Xây dựng 1369 (HNX: C69)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,500
SL cổ phiếu LH	61,799,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,009,040
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	791
P/E	20.3
EPS	630

DT thuần

Q3/25

172

tỷ VNĐ

QoQ: ▼77.0| -30.9%

YoY: ▼114| -39.8%

LN sau thuế

Q3/25

7.29

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.4| -73.7%

YoY: ▲ 5.46| 298%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.0%

+/- YoY: ▲ 4.8%

DT thuần

9T 2025

601

tỷ VNĐ

YoY: ▼86.0| -12.5%

LN sau thuế

9T 2025

39.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.1| 224%

ROE

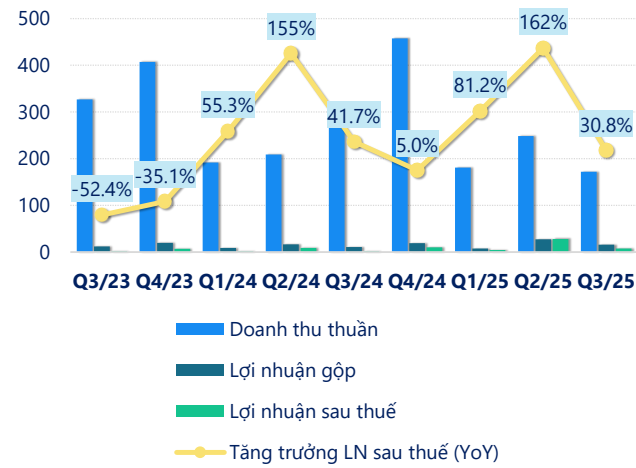
Q3/25

4.5%

+/- YoY: ▲ 2.5%

tỷ VNĐ

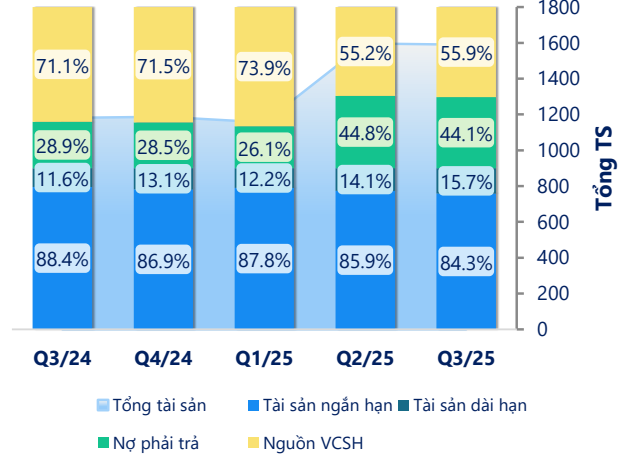
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

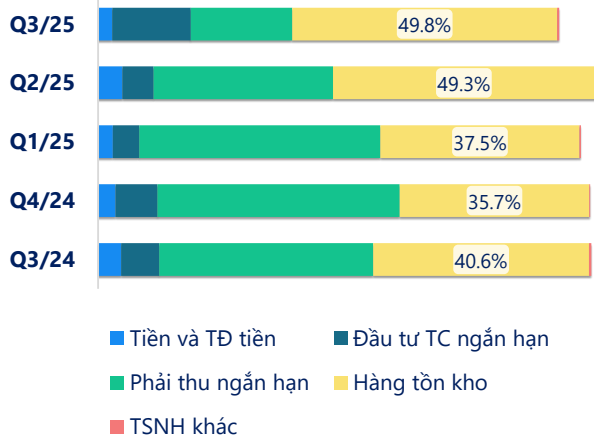
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



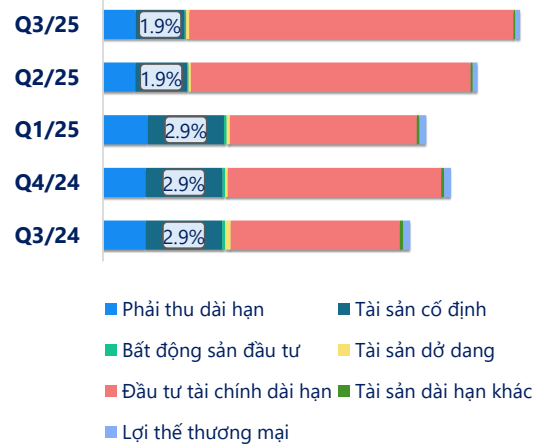
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

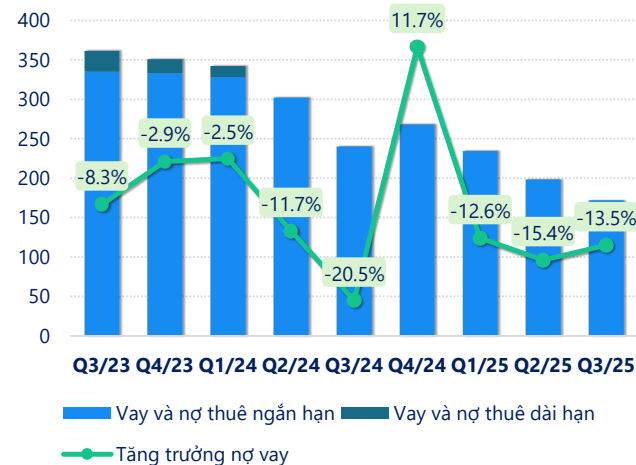
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

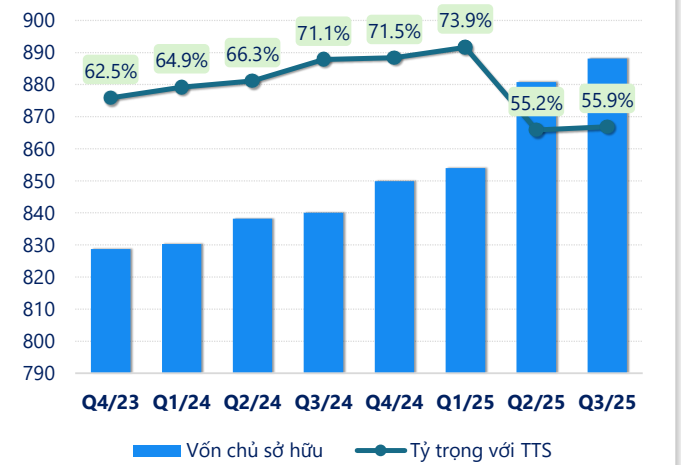
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

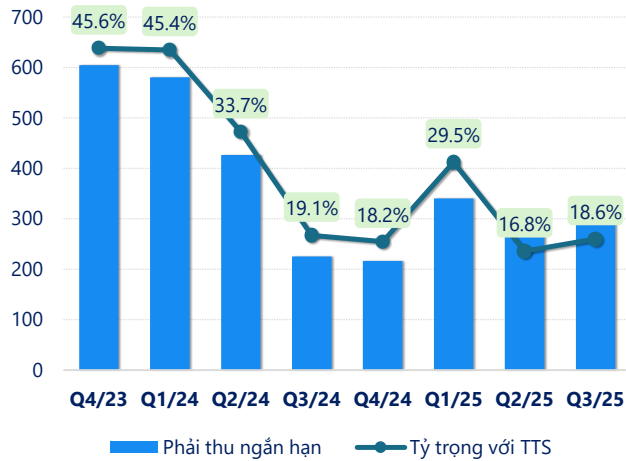
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



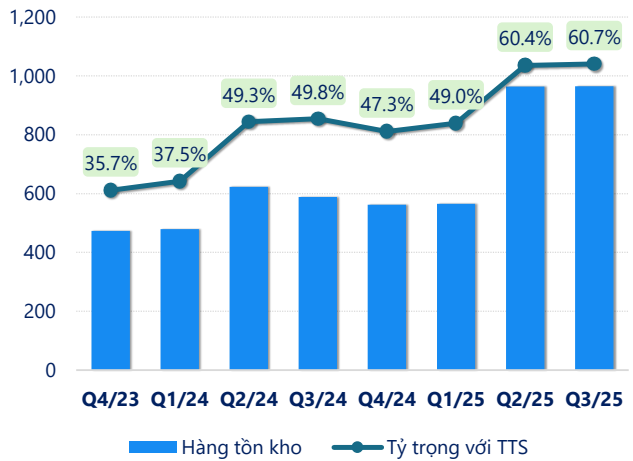
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


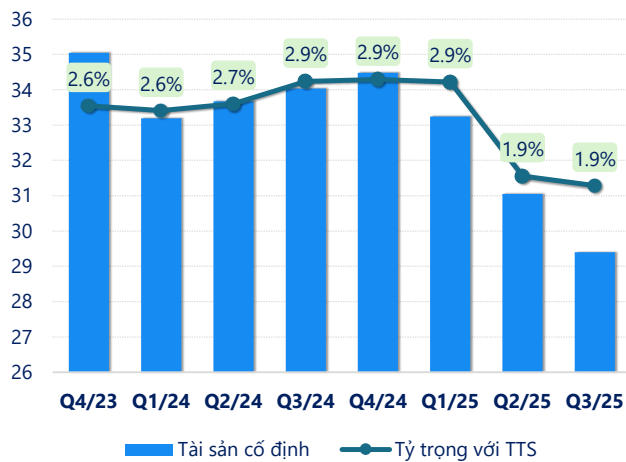
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


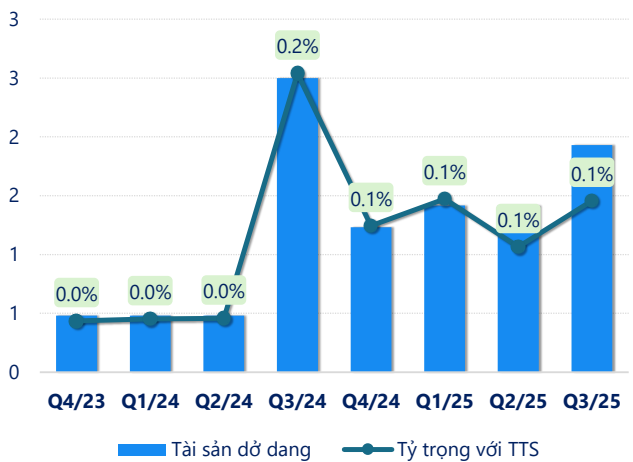
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

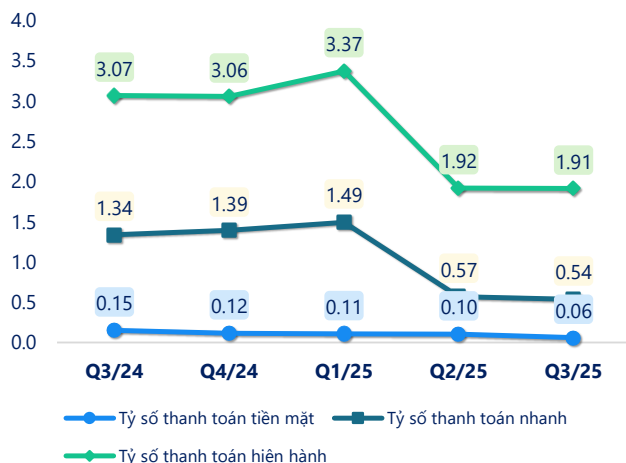
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

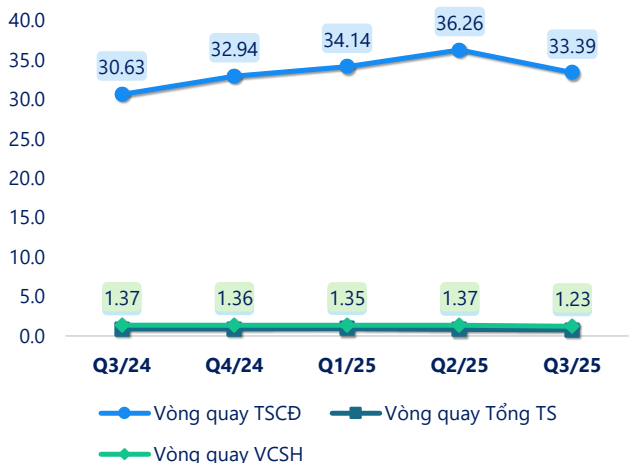
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,181	1,188	1,156	1,597	1,589
Tài sản ngắn hạn	1,044	1,033	1,015	1,372	1,340
Tiền và tương đương tiền	51.4	38.9	31.9	73.2	42.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	175	213	74.1	62.9	34.7
Phải thu ngắn hạn	225	216	340	269	295
Hàng tồn kho	588	562	566	964	965
Tài sản ngắn hạn khác	4.66	1.78	2.84	2.41	2.82
Tài sản dài hạn	137	156	141	225	249
Phải thu dài hạn	18.9	18.9	19.4	19.4	19.5
Tài sản cố định	34.0	34.5	33.2	31.1	29.4
Bất động sản đầu tư	1.31	1.20	1.09	0.98	0.88
Tài sản dở dang	2.50	1.23	1.42	1.42	1.93
Đầu tư tài chính dài hạn	75.2	95.4	81.3	168	194
Tài sản dài hạn khác	1.45	1.25	1.19	1.28	1.22
Lợi thế thương mại	3.17	3.07	2.96	2.86	2.76
Nợ phải trả	341	338	302	716	701
Nợ ngắn hạn	340	338	301	715	700
Vay và nợ thuê ngắn hạn	240	268	234	198	171
Phải trả người bán ngắn hạn	63.7	45.3	50.0	56.4	62.9
Nợ dài hạn	0.54	0.47	0.53	0.66	0.73
Vay và nợ thuê dài hạn	0.54	0.47	0.40	0.34	0.27
Nguồn vốn chủ sở hữu	840	850	854	881	888
Vốn chủ sở hữu	840	850	854	881	888
Vốn điều lệ	618	618	618	618	618
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)